| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆNPHƯỚC LONG**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 9 – 2020
*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phan Văn Chiếu**

2. Ông **Trần Văn Phước**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Anh **Lê Văn H,** sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

*2. Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1995**;** Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án và nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:***

Về hôn nhân: Anh và chị N có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/10/2017. Anh và chị N đã ly thân từ khoảng tháng 02/2019 đến nay do mâu thuẫn, không còn tình cảm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 người con chung là Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 27/3/2018, hiện đang sống với chị N. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, nay anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị N trình bày:***

Về hôn nhân: Chị thống nhất thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân như anh H trình bày. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn vì chị còn thương anh H. Nhưng nếu anh H cương quyết ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung như anh H trình bày là đúng. Khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: xét thấy anh H và chị N có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp. Chị N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân với anh H. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn với chị N.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 27/3/2018 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Như mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở với số tiền 745.000/tháng/cháu cho đến khi cháu Như tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

+ Về tài sản chung: Vào ngày 18/6/2020, chị N có nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia đôi 15 chỉ vàng 24K hiện anh H đang quản lý. Tòa án thông báo cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí nhưng chị N không nộp nên yêu cầu của chị N không được xem xét trong vụ án này. Trường hợp chị N có yêu cầu thì được thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện độc lập khác.

+ Về án phí: Anh H phải chịu 600.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị N, chị N đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H và chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh H và chị N tự nguyện sống chung từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung anh H và chị N xảy ra mâu thuẫn mà không hàn gắn được. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng anh H và chị N không sống chung với nhau. Chị N xác định còn thương anh H nên muốn hàn gắn hôn nhân, nhưng chị N không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân, mặt khác chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị N không đến, cho thấy chị N đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Trong khi đó, anh H xác định không còn cảm với chị N và cương quyết ly hôn.Từ đó cho thấy hôn nhân của anh H và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn với chị N.

[4] Về con chung: Anh H và chị N trình bày thống nhất có một người con chung là Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 27/3/2018, hiện đang sống chung với chị N. Chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh H đồng ý. Do đó, căn cứ vào khoản 2 tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 27/3/2018 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N, điều này cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Do đó, được Hội đồng xét xử chấp nhận: Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 27/3/2018 theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/9/2020).

[6] Về tài sản chung: Ngày 18/6/2020, chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia đôi 15 chỉ vàng 24K anh H đang quản lý. Tòa án đã thông báo cho chị N nộp

tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng hết thời hạn chị N không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí mà không có lý do chính đáng nên yêu cầu của chị N không được Tòa án thụ lý giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp chị N có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 192, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 27/3/2018 cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Lê Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 27/3/2018 theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 03/9/2020.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng. Anh H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009365 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí và anh H còn pH nộp số tiền 300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Ly**